



**Công ty Cổ phần Bia  
Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận đăng ký  
Kinh doanh số**

3503000233  
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008  
ngày 16 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4100739909 ngày 16 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lâm Du An  
Ông Huỳnh Văn Dũng  
Bà Nguyễn Thị Phước  
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Dũng  
Ông Trịnh Văn Thảo  
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Điều hành**

Ông Huỳnh Văn Dũng  
Ông Võ Thành Điền  
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
kiêm Kế toán Trưởng

**Trụ sở đăng ký**

Số 1 Nguyễn Văn Linh  
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột  
Tỉnh Đắk Lắk  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Báo cáo của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) - Trụ sở chính (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Huỳnh Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 2 năm 2020



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) - Trụ sở chính (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 2 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 1 năm 2019.



**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00265-20-6

CÔNG TY TNHH  
**KPMG**

Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 2 năm 2020



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>183.762.332.511</b>	<b>182.883.520.936</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>907.702.861</b>	<b>22.868.276.390</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.973.415.130</b>	<b>75.119.731.498</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6(a)	51.884.678.078	61.912.662.174
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.835.231.375	13.904.074.306
Phải trả nội bộ ngắn hạn	133	6(b)	3.299.341.348	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		14.129.422.115	325.916.104
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.220.821.086)	(1.022.921.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.045.563.300	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>106.562.644.414</b>	<b>83.209.571.411</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.318.570.106</b>	<b>1.685.941.637</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.318.570.106	1.685.941.637

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>529.384.015.853</b>	<b>552.076.850.132</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>165.462.730.365</b>	<b>165.462.730.365</b>
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	8	165.462.730.365	165.462.730.365
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>310.998.229.759</b>	<b>326.117.981.790</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	310.498.229.759	325.617.981.790
<i>Nguyên giá</i>	222		879.081.450.435	836.740.195.707
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(568.583.220.676)	(511.122.213.917)
Tài sản cố định vô hình	227	10	500.000.000	500.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		1.114.838.954	1.114.838.954
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(614.838.954)	(614.838.954)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>7.905.148.336</b>	<b>7.642.458.122</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		9.795.838.071	9.179.007.071
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(1.890.689.735)	(1.536.548.949)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.470.034.799</b>	<b>2.141.195.133</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.470.034.799	2.141.195.133
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>23.262.376.645</b>	<b>23.262.376.645</b>
Đầu tư vào công ty con	251		3.855.856.645	3.855.856.645
Đầu tư vào công ty liên kết	252		19.406.520.000	19.406.520.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.285.495.949</b>	<b>27.450.108.077</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	16.548.833.045	23.960.861.650
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.736.662.904	3.489.246.427
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>713.146.348.364</b>	<b>734.960.371.068</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>241.148.126.764</b>	<b>297.281.662.039</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>236.934.761.014</b>	<b>268.829.160.330</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15(a)	16.536.883.149	20.473.988.519
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.383.968	90.339.068
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	102.171.646.884	108.690.033.884
Phải trả người lao động	314		4.039.152.400	10.180.827.186
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		968.027.110	1.660.359.170
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	15(b)	8.629.853.583	8.376.530.945
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		32.854.350	36.969.697
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	45.339.942.436	39.923.936.889
Vay ngắn hạn	320	18(a)	56.509.306.459	76.893.875.252
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	2.705.710.675	2.502.299.720
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.213.365.750</b>	<b>28.452.501.709</b>
Phải trả dài hạn khác	337		700.000.000	700.000.000
Vay dài hạn	338	18(b)	-	24.609.306.459
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	3.513.365.750	3.143.195.250
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>471.998.221.600</b>	<b>437.678.709.029</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>471.998.221.600</b>	<b>437.678.709.029</b>
Vốn cổ phần	411	22	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	64.457.934.536	57.457.657.413
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.073.807.064	81.754.571.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		865.920.851	7.070.278.707
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		108.207.886.213	74.684.292.909
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>713.146.348.364</b>	<b>734.960.371.068</b>

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc  
 Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh  
 Kế toán Trưởng



Trần Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	951.109.985.999	858.256.279.999
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	1.051.919.467	1.856.027.775
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>950.058.066.532</b>	<b>856.400.252.224</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	770.141.895.373	736.938.019.768
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>179.916.171.159</b>	<b>119.462.232.456</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	19.751.935.124	503.774.002
Chi phí tài chính	22		4.593.962.167	7.316.825.473
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.583.816.003	7.278.368.279
Chi phí bán hàng	25	29	16.393.071.874	15.431.897.070
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	31.311.169.969	33.439.697.671
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>147.369.902.273</b>	<b>63.777.586.244</b>
Thu nhập khác	31	31	9.676.557.865	9.716.470.280
Chi phí khác	32		1.811.674.359	1.656.507.552
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>7.864.883.506</b>	<b>8.059.962.728</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>155.234.785.779</b>	<b>71.837.548.972</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	27.792.875.936	33.972.250.441
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>33</b>	<b>(247.416.477)</b>	<b>(179.183.175)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>127.689.326.320</b>	<b>38.044.481.706</b>

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh  
Kế toán Trưởng



Huỳnh Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>155.234.785.779</b>	<b>71.837.548.972</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		60.037.097.333	63.917.307.422
Các khoản dự phòng	03		583.440.000	285.851.250
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá phát sinh từ đánh giá lại tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		146.164	(328.798)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(19.874.662.396)	(395.221.604)
Chi phí lãi vay	06		4.583.816.003	7.278.368.279
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>200.564.622.883</b>	<b>142.923.525.521</b>
Biến động các khoản phải thu	09		99.508.552.993	(24.238.153.263)
Biến động hàng tồn kho	10		(24.557.848.111)	(12.414.511.583)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		9.372.155.862	161.405.356.255
Biến động chi phí trả trước	12		7.652.862.166	(1.751.827.754)
			<b>292.540.345.793</b>	<b>265.924.389.176</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.978.590.471)	(7.003.477.061)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.320.972.553)	(40.341.449.854)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		126.125.000	9.730.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.328.822.208)	(21.451.698.212)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>242.038.085.561</b>	<b>197.137.494.049</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(73.003.872.937)	(57.839.065.715)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		122.727.272	33.636.364
Tiền chi đầu tư vào công ty khác	25		-	(18.430.660.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		7.423.579.125	503.445.204
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(65.457.566.540)</b>	<b>(75.732.644.147)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	651.500.000.000	829.664.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(696.493.875.252)	(806.914.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(153.547.071.134)	(123.274.888.379)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(198.540.946.386)</b>	<b>(100.524.888.379)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(21.960.427.365)</b>	<b>20.879.961.523</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>22.868.276.390</b>	<b>1.987.986.069</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(146.164)</b>	<b>328.798</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70 5</b>	<b>907.702.861</b>	<b>22.868.276.390</b>

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp với mã giao dịch là SMB.

Công ty hoạt động tại Trụ sở chính tại Đắk Lắk (“Trụ sở chính”) bao gồm nhà máy Đắk Lắk và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (“Chi nhánh Quy Nhơn”) và tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (“Chi nhánh Phú Yên”). Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, công cụ và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc công nghiệp thực phẩm; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng và kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trụ sở chính nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Số lượng nhân viên của Trụ sở chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Trụ sở chính có 185 nhân viên (1/1/2019: 188 nhân viên).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này chỉ bao gồm hoạt động của Trụ sở chính và không bao gồm hoạt động của công ty con và các chi nhánh trực thuộc. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính riêng (bao gồm Trụ sở chính và các chi nhánh trực thuộc) và báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm Công ty và công ty con và công ty liên kết).

Các giao dịch với các chi nhánh trực thuộc được ghi nhận trong báo cáo tài chính này giống như việc ghi nhận giao dịch với các pháp nhân khác. Số dư phải thu/phải trả với các chi nhánh được trình bày là phải thu/phải trả nội bộ. Vốn đầu tư ban đầu khi thành lập các chi nhánh được trình bày là vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính của Trụ sở chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 53.172 triệu VND (1/1/2019: 85.946 triệu VND). Trụ sở chính cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (thuyết minh 18). Hơn nữa, Trụ sở chính chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Trụ sở chính tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Trụ sở chính có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Trụ sở chính trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Trụ sở chính vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Trụ sở chính sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

### **(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 5 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 5 năm  |
| ▪ tài sản khác           | 8 – 20 năm |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc                      16 – 25 năm



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Trụ sở chính và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Trụ sở chính từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Trụ sở chính và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Trụ sở chính chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư **vốn cổ phần**.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Trụ sở chính tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Trụ sở chính là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động chính của Trụ sở chính là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Trụ sở chính, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Trụ sở chính.

Về mặt địa lý, Trụ sở chính chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	189.497.951	577.801.576
Tiền gửi ngân hàng	718.204.910	22.290.474.814
	907.702.861	22.868.276.390

**6. Các khoản phải thu ngắn hạn**

**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(i) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	48.474.085.000	58.772.882.564
Các khách hàng khác	3.410.593.078	3.139.779.610
	51.884.678.078	61.912.662.174

**(ii) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	48.474.085.000	58.772.882.564
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	4.823.629	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	362.917.632

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**(b) Phải thu nội bộ ngắn hạn**

Phải thu nội bộ ngắn hạn phản ánh các khoản Trụ sở chính chi hộ cho các Chi nhánh.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	36.701.258.309	-	34.751.336.587	-
Công cụ và dụng cụ	28.202.712.938	-	29.062.098.936	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.462.214.198	-	13.501.123.944	-
Thành phẩm	27.194.525.433	-	5.893.078.408	-
Hàng gửi đi bán	1.933.536	-	1.933.536	-
	106.562.644.414	-	83.209.571.411	-

**8. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vốn kinh doanh ở Chi nhánh Quy Nhơn (i)	95.333.735.568	95.333.735.568
Vốn kinh doanh ở Chi nhánh Phú Yên (ii)	70.128.994.797	70.128.994.797
	165.462.730.365	165.462.730.365

- (i) Chi nhánh Quy Nhơn đặt tại Khu Công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của Chi nhánh Quy Nhơn là sản xuất và kinh doanh bia.
- (ii) Chi nhánh Phú Yên đặt tại 265 đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam. Hoạt động chính của Chi nhánh Phú Yên là sản xuất và kinh doanh bia và nước tinh khiết.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	141.186.781.830	684.405.500.093	9.826.525.319	587.755.817	733.632.648	836.740.195.707
Tăng trong năm	2.965.707.500	4.592.123.000	-	262.200.000	148.400.000	7.968.430.500
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	19.907.796.833	17.035.309.916	-	-	-	36.943.106.749
Thanh lý	-	-	(626.081.486)	-	-	(626.081.486)
Chuyển sang các Chi nhánh	-	(1.292.623.481)	-	-	-	(1.292.623.481)
Giảm khác	(30.718.954)	(620.858.600)	-	-	-	(651.577.554)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>164.029.567.209</b>	<b>704.119.450.928</b>	<b>9.200.443.833</b>	<b>849.955.817</b>	<b>882.032.648</b>	<b>879.081.450.435</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	59.783.774.839	445.120.518.186	5.321.581.179	282.652.926	613.686.787	511.122.213.917
Khấu hao trong năm	7.158.921.743	51.722.527.901	685.028.635	103.344.403	13.133.865	59.682.956.547
Thanh lý	-	-	(626.081.486)	-	-	(626.081.486)
Chuyển sang các Chi nhánh	-	(1.042.670.748)	-	-	-	(1.042.670.748)
Giảm khác	(30.718.954)	(522.478.600)	-	-	-	(553.197.554)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>66.911.977.628</b>	<b>495.277.896.739</b>	<b>5.380.528.328</b>	<b>385.997.329</b>	<b>626.820.652</b>	<b>568.583.220.676</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	81.403.006.991	239.284.981.907	4.504.944.140	305.102.891	119.945.861	325.617.981.790
Số dư cuối năm	97.117.589.581	208.841.554.189	3.819.915.505	463.958.488	255.211.996	310.498.229.759



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá 143.187 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 13.743 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 24.498 triệu VND (1/1/2019: 27.476 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Trụ sở chính (thuyết minh 18(b)).

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	500.000.000	614.838.954	1.114.838.954
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	-	614.838.954	614.838.954
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	500.000.000	-	500.000.000

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 615 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 615 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Bất động sản đầu tư**

	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	5.497.487.336	5.234.797.122
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<b>7.905.148.336</b>	<b>7.642.458.122</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	6.771.346.071
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	616.831.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	7.388.177.071
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.536.548.949
Khấu hao trong năm	354.140.786
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.890.689.735
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	5.234.797.122
Số dư cuối năm	5.497.487.336
	<hr/>

**(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
Số dư đầu năm và cuối năm	2.407.661.000
	<hr/>

Trụ sở chính chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.141.195.133	223.946.474
Tăng trong năm	60.021.039.447	33.218.736.384
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(36.943.106.749)	(29.848.380.871)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(616.831.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.760.388.436)	(52.743.141)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(113.073.594)	(1.400.363.713)
Chuyển sang Chi nhánh Quy Nhơn	(11.917.500.000)	-
Chuyển sang Chi nhánh Phú Yên	(9.341.300.002)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.470.034.799	2.141.195.133

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2019 và 1/1/2019		Giá trị hợp lý VND
			Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	
<b>Đầu tư vào:</b>					
Công ty con					
• Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn Công ty liên kết	Không áp dụng	100%	3.855.856.645	-	(*)
• Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	1.963.579	20%	19.406.520.000	-	(*)
			23.262.376.645	-	

(\*) Trụ sở chính chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.629.422.863	9.521.257.904	3.810.180.883	23.960.861.650
Tăng trong năm	1.195.485.268	6.039.786.576	793.073.594	8.028.345.438
Phân bổ trong năm	(3.659.737.941)	(7.851.971.669)	(3.118.442.045)	(14.630.151.655)
Giảm khác	(809.567.388)	(655.000)	-	(810.222.388)
Số dư cuối năm	7.355.602.802	7.708.417.811	1.484.812.432	16.548.833.045

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Các khoản phải trả**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn**

**(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	9.468.718.773	10.018.452.477
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp Delta	-	4.008.292.440
Các nhà cung cấp khác	7.068.164.376	6.447.243.602
	16.536.883.149	20.473.988.519

**(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	9.468.718.773	10.018.452.477
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.354.393.535	-
	10.823.112.308	10.018.452.477

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**(b) Phải trả nội bộ ngắn hạn**

Phải trả nội bộ ngắn hạn phản ánh các khoản lợi nhuận chuyển tạm thời từ các Chi nhánh về Trụ sở chính.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.286.663.466	175.244.815.246	(75.762.924.074)	(103.110.346.079)	7.658.208.559
Thuế tiêu thụ đặc biệt	89.733.425.926	798.366.691.038	-	(815.596.861.574)	72.503.255.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	5.950.821.791	49.038.332.909	-	(35.320.972.553)	19.668.182.147
Thuế thu nhập cá nhân	1.345.840.386	6.459.634.741	-	(5.463.474.339)	2.342.000.788
Tiền thuế đất, thuế đất	373.282.315	2.564.750.186	-	(2.938.032.501)	-
Các loại thuế khác	-	192.660.075	-	(192.660.075)	-
	108.690.033.884	1.031.866.884.195	(75.762.924.074)	(962.622.347.121)	102.171.646.884

(\*) Số Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm bao gồm 27.792.875.936 VND liên quan đến Trụ sở chính, phần còn lại là 21.245.456.973 VND liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi nhánh Quy Nhơn và Chi nhánh Phú yên được kê khai và nộp thay bởi Trụ sở chính.

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	42.571.513.692	31.705.976.826
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	1.349.833.752	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	534.155.000	518.155.000
Phải trả công ty con liên quan đến lợi nhuận chuyển dư	-	6.300.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	884.439.992	1.399.805.063
	45.339.942.436	39.923.936.889

(\*) Đây là vật tư và phụ tùng thay thế phát hiện thừa, thiếu trong quá trình kiểm kê do nhầm lẫn về mã quản lý của vật tư và phụ tùng. Trong đó vật tư, phụ tùng thừa là 1.350 triệu VND và vật tư, phụ tùng thiếu là 1.046 triệu VND như được nêu ở Mã số 139 trên bảng cân đối kế toán. Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình rà soát lại các mã vật tư, phụ tùng để điều chỉnh cho phù hợp.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>18. Vay</b>	<b>(a) Vay ngắn hạn</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2019</b>
		<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>
Vay ngắn hạn	52.280.000.000	651.500.000.000	(671.880.000.000)	31.900.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	24.613.875.252	24.609.306.459	(24.613.875.252)	24.609.306.459
	76.893.875.252	676.109.306.459	(696.493.875.252)	56.509.306.459

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	5,9%	12.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (ii)	VND	0,5%	18.400.000.000	18.400.000.000
Nhân viên Trụ sở chính (ii)	VND	7,0%	1.500.000.000	3.880.000.000
			31.900.000.000	52.280.000.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Đắk Lắk (“Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk”) có hạn mức tín dụng là 80.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Trụ sở chính. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ công ty liên kết, Công ty Cổ phần In – Thương Mại Phú Yên, và từ nhân viên Trụ sở chính không có đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2020	11.750.000.000	23.500.000.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	8,6%	2020	12.859.306.459	25.723.181.711
				24.609.306.459	49.223.181.711
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(24.609.306.459)	(24.613.875.252)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	24.609.306.459

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.625 triệu VND và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Trụ sở chính.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.000 triệu VND và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Trụ sở chính.

Khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 24.498 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 27.476 triệu VND) theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB and 261017/MQK/HDTS ngày 26 tháng 10 năm 2017 (thuyết minh 9).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.502.299.720	(736.730.498)
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	14.195.077.642	24.680.998.430
Tăng khác	126.125.000	9.730.000
Chuyển sang các Chi nhánh	(3.804.338.979)	(8.486.518.954)
Sử dụng trong năm	(10.313.452.708)	(12.965.179.258)
Số dư cuối năm	<u>2.705.710.675</u>	<u>2.502.299.720</u>

**20. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2019</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.143.195.250
Dự phòng trích lập trong năm	385.540.000
Dự phòng sử dụng trong năm	(15.369.500)
Số dư cuối năm	<u>3.513.365.750</u>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	298.466.480.000	51.094.708.896	127.654.169.654	477.215.358.550
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	38.044.481.706	38.044.481.706
Lợi nhuận chuyển từ các Chi nhánh	-	-	96.333.107.203	96.333.107.203
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	6.362.948.517	(6.362.948.517)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(24.680.998.430)	(24.680.998.430)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(149.233.240.000)	(149.233.240.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	298.466.480.000	57.457.657.413	81.754.571.616	437.678.709.029
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	127.689.326.320	127.689.326.320
Lợi nhuận chuyển từ các Chi nhánh	-	-	84.981.827.893	84.981.827.893
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	7.000.277.123	(7.000.277.123)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(14.195.077.642)	(14.195.077.642)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(164.156.564.000)	(164.156.564.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	298.466.480.000	64.457.934.536	109.073.807.064	471.998.221.600

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## 23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 119.387 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 89.540 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017).

Tại cuộc họp ngày 4 tháng 11 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2018: 59.693 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

## 24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
EUR	295	7.605.721	310	8.157.312

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	943.947.028.554	853.009.123.107
▪ Cung cấp dịch vụ	7.162.957.445	5.247.156.892
	<u>951.109.985.999</u>	<u>858.256.279.999</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.051.919.467	1.856.027.775
	<u>950.058.066.532</u>	<u>856.400.252.224</u>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	769.748.186.291	736.570.011.976
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	393.709.082	368.007.792
	770.141.895.373	736.938.019.768

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.809.125.499	144.621.600
Lãi tiền gửi	942.809.625	358.823.604
Lãi chênh lệnh tỷ giá	-	328.798
	19.751.935.124	503.774.002

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	3.017.951.059	4.135.229.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.899.746.462	9.162.060.164
Chi phí bán hàng khác	475.374.353	2.134.606.918
	16.393.071.874	15.431.897.070



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	12.966.149.851	14.353.343.235
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.929.410.276	1.872.257.254
Chi phí thuê	2.756.000.551	2.593.797.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.046.793.970	1.622.216.678
Chi phí quản lý khác	11.612.815.321	12.998.083.018
	<b>31.311.169.969</b>	<b>33.439.697.671</b>

**31. Thu nhập khác**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Bán phế liệu	6.015.860.340	6.153.557.080
Bán hơi bão hòa	654.600.000	612.809.088
Doanh thu khác	3.006.097.525	2.950.104.112
	<b>9.676.557.865</b>	<b>9.716.470.280</b>

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	674.149.753.019	616.354.997.352
Chi phí nhân công và nhân viên	38.072.235.092	41.058.977.802
Chi phí khấu hao và phân bổ	60.037.097.333	63.917.749.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.106.057.363	44.936.597.947
Chi phí khác	26.716.496.340	30.591.351.550
	<b>845.681.539.137</b>	<b>796.857.673.973</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	27.733.965.746	33.951.690.441
Dự phòng thiếu trong những năm trước	58.910.190	20.560.000
	<hr/> 27.792.875.936	<hr/> 33.972.250.441
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(247.416.477)	(179.183.175)
	<hr/> 27.545.459.459	<hr/> 33.793.067.266

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	155.234.785.779	71.837.548.972
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	31.046.957.156	14.367.509.794
Chi phí không được khấu trừ thuế	201.417.213	167.300.352
Thu nhập không bị tính thuế	(3.761.825.100)	(28.924.320)
Thuế phát sinh từ lợi nhuận của các Chi Nhánh	-	19.266.621.440
Dự phòng thiếu trong những năm trước	58.910.190	20.560.000
	<hr/> 27.545.459.459	<hr/> 33.793.067.266

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Trụ sở chính có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các Chi nhánh của Công ty</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Chi nhánh Quy Nhơn</b>		
Mua công cụ dụng cụ	4.440.418.560	3.022.581.480
Phân phối lợi nhuận	57.286.673.722	66.559.050.742
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Chi nhánh Phú Yên</b>		
Phân phối lợi nhuận	27.695.154.171	29.774.056.461
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn</b>		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	50.031.924.238	30.361.739.862
Mua công cụ dụng cụ	704.191.680	-
Lợi nhuận được chia	18.628.355.999	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	874.497.617.864	806.656.544.518
Mua nguyên vật liệu	561.506.333.583	510.446.166.093
Cổ tức	38.469.452.000	28.852.089.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí sử dụng vỏ chai	1.611.033.675	1.182.608.206
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên</b>		
Cung cấp dịch vụ	462.952.102	420.000.000
<b>Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên</b>		
Nhận cổ tức	180.769.500	144.621.600
Chi phí lãi vay	91.748.000	38.564.384
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	7.982.935.000	7.503.035.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Trụ sở chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huyền Văn Dũng  
Tổng Giám đốc



V/v Công bố thông tin BCTC năm 2019  
sau kiểm toán và giải trình lợi nhuận  
biến động 10% trở lên so với cùng kỳ  
tại Văn phòng chính Daklak

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG (VĂN PHÒNG CHÍNH)
2. Mã chứng khoán: SMB
3. Địa chỉ văn phòng chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Tuấn Anh
6. Nội dung công bố thông tin:
  - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2019 sau kiểm toán của Văn phòng Chính Daklak bao gồm: Báo cáo của Ban điều hành, BCĐKT tại ngày 31/12/2019, BCKQKD năm 2019, BCLCTT cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2019, TMBCTC cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-31/12/2019.

**6.2 Các nội dung giải trình:**

Căn cứ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận sau thuế tại Văn phòng Chính Daklak sau kiểm toán năm 2019 tăng 236% so với cùng kỳ năm 2018 (tăng 89,645 tỷ đồng). Do nguyên nhân chủ yếu:

- Sản lượng sản xuất bia tăng 5,6 triệu lít, sản lượng tiêu thụ tăng 3,45 triệu lít so với năm 2018.
- Giá một số nguyên vật liệu giảm, chi phí giảm và việc quản lý tốt định mức...
- Năm 2019 có điều chuyển 18,628 tỷ đồng lợi nhuận năm 2018 và 2019 của Công ty TNHH MTV TM DV Bia Quy Nhơn về Trụ sở chính.

Trên đây là nội dung giải trình biến động lợi nhuận BCTC năm 2019 sau kiểm toán biến động từ 10% trở lên so với BCTC năm 2018 theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ giải trình: biasaigonmt.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhân:**

- Như trên
- Lưu VT



**VŨ TUẤN ANH**